

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số **72/2021/HS-ST**
Ngày 28/5/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Hồng Chiến

Các Hội thẩm Nhân dân: Ông Hoàng Văn Hùng và ông Nguyễn Văn Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Trần Hà Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án Nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 72/2021/TLST-HS, ngày 27 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2021/HSST-QĐ ngày 17/5/2021 đối với các bị cáo:

1, **Nguyễn Văn N**, sinh ngày 04/12/1986 tại huyện N, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12, dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn Bì, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1953; vợ: Nguyễn Thị Hương D, sinh năm 1989; con: 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2012; Anh chị em ruột: 04 người, bị cáo là thứ tư; Tiền án, tiền sự, Nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/01/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

2, **Nguyễn Văn B**, sinh ngày 04/12/1977 tại huyện S1, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện S1, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 4/12, dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn C. và bà Nguyễn Thị H. (đều đã chết); vợ: Nguyễn Thị H1, sinh năm 1978; con: 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2009; Anh chị em ruột: 06 người, bị cáo là thứ sáu; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: + Bản án số 54/2007/HSST ngày 31/5/2007 của Tòa án Nhân dân huyện S1, thành phố Hà Nội xử phạt Nguyễn Văn B. 04 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội Đánh bạc (tổng số tiền sử dụng đánh bạc là 4.270.000 đồng).

+ Bản án số 19/2011/HSST ngày 29/01/2011 của Tòa án Nhân dân huyện S1, thành phố Hà Nội xử phạt Nguyễn Văn B. 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

+ Bản án số 85/2012/HSST ngày 18/6/2012 của Tòa án Nhân dân huyện S1, thành phố Hà Nội xử phạt Nguyễn Văn B. 06 tháng tù về tội Đánh bạc (tổng số tiền sử dụng đánh bạc là 3.420.000 đồng). Ngày 13/02/2013 chấp hành xong hình phạt tù.

+ Bản án số 106/2013/HSST ngày 25/6/2013 của Tòa án Nhân dân huyện S1, thành phố Hà Nội xử phạt Nguyễn Văn B. 24 tháng tù về tội Đánh bạc (tổng số tiền sử dụng đánh bạc 10.060.000 đồng). Ngày 20/12/2014 chấp hành xong hình phạt tù.

+ Bản án số 77/2016/HSST ngày 21/6/2016 của Tòa án Nhân dân huyện S1, thành phố Hà Nội xử phạt Nguyễn Văn B. 27 tháng tù về tội Đánh bạc (tổng số tiền sử dụng đánh bạc 6.900.000 đồng). Ngày 17/02/2018 chấp hành xong toàn bộ bản án.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/01/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

** Bị hại:*

1, Anh Lê Anh T, sinh năm 1986; trú tại: Thôn G, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án).

2, Ông Đặng Kim N, sinh năm 1969; trú tại: Thôn G1, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

3, Chị Ngô Thị H, sinh năm 1976; trú tại: Thôn K, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt).

4, Anh Trần Văn H, sinh năm 1987; trú tại: Thôn C, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt).

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Chị Nguyễn Thị Hương D, sinh năm 1989; trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 01/2021, Nguyễn Văn N. rủ Nguyễn Văn B. đi trộm cắp chó để bán lấy tiền chi tiêu, B. đồng ý. Cả hai thống nhất N. là người chuẩn bị phương tiện xe ô tô, lồng bằng kim loại để nhốt chó trộm cắp được và điều khiển xe ô tô, B. là người chuẩn bị súng gổ, ắc quy, dây điện, mũi tên, súng kích điện và trực tiếp bắn chó, đem chó lên xe sau khi bắn được chó. Trong các ngày 07/01/2021 và 12/01/2021 tại các xã P, H, T. thuộc huyện S, tỉnh Tuyên Quang, Nguyễn Văn N. và Nguyễn Văn B. đã có hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 20 giờ ngày 06/01/2021, N. điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Suzuki, màu sơn trắng, biển kiểm soát 89K-3675 (xe của N, loại xe 07 chỗ đã tháo toàn bộ hàng ghế phía sau để chở hàng) đón B. đi đến địa bàn huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 07/01/2021, khi đi đến Thôn G, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, cả hai phát hiện thấy có 01 con chó đực, màu lông vàng, trọng lượng 11 kg của anh Lê Anh T. đang đứng ở ven đường, quan sát thấy không có người trông coi, N. và B.

thông nhất trộm cắp con chó trên. N. dùng xe, B. dùng súng kích điện bắn làm con chó bị tê liệt rồi nhốt vào lồng phía sau xe. Sau đó, N. và B. tiếp tục điều khiển xe đi. Khoảng 02 giờ 40 phút cùng ngày, khi đi đến địa phận Thôn G1, xã P, huyện S, N. và B. phát hiện thấy có 01 con chó màu lông vàng, trọng lượng 12 kg của ông Đặng Kim N. đứng ở bên phải đường. N. điều khiển xe ô tô dừng ở bên phải đường, B. mở cửa xe bên phải dùng súng bắn điện vào con chó làm con chó tê liệt rồi nhốt con chó vào lồng kim loại phía sau xe. Sau đó, N. đưa B. về nhà còn N. điều khiển xe ô tô một mình đi về tỉnh Hải Dương. Trên đường về, N. gặp một người đàn ông đi thu mua chó, N. đã bán 02 con chó trộm cắp được cho người đàn ông đó với giá 70.000 đồng/kg được tổng số tiền 1.610.000 đồng. Số tiền trên N. chưa chia cho B. và đã chi tiêu cá N. hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 18 giờ ngày 11/01/2021, N. điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Suzuki biển kiểm soát 89K-3675 cùng B. đi từ huyện S1, thành phố Hà Nội đến địa bàn huyện S, tỉnh Tuyên Quang để trộm cắp chó. Khoảng 00 giờ 50 phút ngày 12/01/2021, khi đi đến khu vực Thôn K, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (Cách phòng khám đa khoa K. khoảng 50 mét về hướng ra cầu K.), quan sát thấy có 01 con chó cái màu lông vàng, tai cụp, trọng lượng 23 kg, cổ quấn 01 sợi dây xích bằng kim loại của chị Ngô Thị H. đang đứng ở ven đường, quan sát thấy không có người trông coi, N. điều khiển xe ô tô dừng bên phải đường cách con chó khoảng 01 mét, B. mở cửa xe ô tô bên phải, sử dụng súng kích điện bắn 01 phát trúng vào con chó, con chó bị tê liệt, B. xuống xe bắt con chó vào lồng kim loại để trong xe ô tô. Sau đó N. tiếp tục điều khiển xe ô tô đến thôn C, xã T. Khoảng 01 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi đến đoạn đường đối diện nghĩa trang thôn C, xã T, quan sát thấy có 01 con chó cái màu lông xám, trọng lượng 15 kg của anh Trần Văn H. đang đứng ở ven đường, không có người trông coi, N. và B. tiếp tục sử dụng thủ đoạn trên trộm cắp con chó cho vào lồng kim loại để trong xe. Trộm cắp xong N. điều khiển xe ô tô đi về xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang tiếp tục tìm chó để trộm cắp thì bị Công an xã P. phát hiện và lập biên bản sự việc, tạm giữ toàn bộ tang vật.

Cùng với thủ đoạn trộm cắp trên, trong đêm 12/01/2021 các bị cáo Nguyễn Văn N. và Nguyễn Văn B. còn thực hiện hành vi trộm cắp 01 con chó màu lông vàng tai cụp, trọng lượng 13 kg tại địa bàn huyện S1, thành phố Hà Nội và 01 con chó màu lông vàng tai cụp, trọng lượng 16 kg tại địa bàn huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Do 02 con chó đã bị chết, sau khi hoàn tất thủ tục định giá và thông báo vụ việc đến Cơ quan CSĐT có thẩm quyền, ngày 13/01/2021 CQCSĐT Công an huyện Sơn Dương ra Quyết định xử lý vật chứng đối với 02 con chó trên bằng hình thức tiêu hủy.

* Tại kết luận định giá tài sản số 04, 05/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 13/01/2021 và số 12, 13/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 19/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Sơn Dương kết luận: Giá chó hơi theo giá thị trường tại thời điểm định giá là 80.000.000 đồng/kg; giá trị thực tế tài sản bị trộm cắp là:

- 01 con chó của anh Lê Anh T. trọng lượng 11kg trị giá 880.000 đồng (*Tám trăm tám mươi nghìn đồng*)

- 01 con chó của ông Đặng Kim N. trọng lượng 12kg trị giá 960.000 đồng (*Chín trăm sáu mươi nghìn đồng*)

- 01 con chó của anh Trần Văn H. trọng lượng 15 kg trị giá 1.200.000 đồng (*Một triệu hai trăm nghìn đồng*)

- 01 con chó của chị Ngô Thị H. trọng lượng 23 kg trị giá 1.840.000 đồng (*Một triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Từ nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 39/CT-VKSSD ngày 27 tháng 4 năm 2021, Viện kiểm sát Nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn N. về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn N. phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N. từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B. từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự đề nghị: Trả lại 01 xe ô tô nhãn hiệu Suzuki màu sơn trắng, BKS 89K-3675 và giấy tờ xe cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Hương D. Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu A3s màu đen, bên ngoài lắp 01 ốp nhựa màu trắng đục kèm 01 sim Vinaphone và 01 sim Viettel cho Nguyễn Văn N. Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu sơn đen kèm 02 sim viettel cho Nguyễn Văn B.

Tịch thu tiêu hủy: 01 lồng bằng kim loại; 01 bình ắc quy; 01 đoạn gỗ (dạng súng tự chế) dài 22cm; 02 đoạn gỗ dài 30 cm, đường kính 0,5cm.

Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo và buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn N. đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung cáo trạng truy tố đối với các bị cáo; các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản, nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện S, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình. Khi nói lời sau cùng các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

Lời khai các bị hại Lê Anh T. (BL số 209, 210), Trần Văn H. (BL số 202 - 205), Ngô Thị H. (BL số 196 - 199) có trong hồ sơ vụ án và lời khai ông Đặng Kim N. tại phiên tòa thể hiện: Tối ngày 06 rạng sáng ngày 07/01/2021 gia đình anh Lê Anh T. bị mất trộm 01 con chó đực, màu lông vàng, trọng lượng 11 kg; gia đình ông Đặng Kim N. bị mất trộm 01 con chó cái màu lông vàng, trọng lượng 12 kg. Anh T. và ông N. tuy không nhận lại được tài sản nhưng có quan điểm không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại tài sản, về hành vi của các bị cáo đề nghị xử lý nghiêm theo quy định pháp luật.

Tối ngày 11 rạng sáng ngày 12/01/2021 gia đình anh Trần Văn H. bị mất trộm 01 con chó cái màu lông xám, tai cúp, trọng lượng 15 kg; gia đình chị Ngô Thị H. bị mất trộm 01 con chó cái màu lông vàng xám, tai cúp, trọng lượng 23 kg. Chị Hoa và anh H. đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì về phần dân sự, về hành vi của các bị cáo đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Hương D. khai tại phiên tòa thể hiện: Nguồn gốc xe ô tô nhãn hiệu Suzuki biển kiểm soát 89K-3675 mà bị cáo Nguyễn Văn N. sử dụng đi trộm cắp chó là tài sản chung của gia đình chị, gia đình mua xe với mục đích dùng làm phương tiện đi chở hoa quả về cho chị bán ở chợ, số tiền mua xe do vợ chồng chị tích cóp có được và đưa cho bị cáo N. đi mua xe, đứng tên giấy tờ mua bán xe là Nguyễn Văn N, xe chưa làm thủ tục sang tên đổi biển. Bị cáo N. lấy xe đi trộm cắp chó chị không biết. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết cho chị được xin nhận lại xe ô tô để phục vụ cho công việc buôn bán của chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn B. tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và cáo trạng truy tố đối với các bị cáo. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh qua biên bản sự việc, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong các ngày 07/01/2021 và 12/01/2021, các bị cáo Nguyễn Văn N. và Nguyễn Văn B. đã có hành vi trộm cắp tài sản (04 con chó), tổng giá trị là 4.880.000 đồng (*Bốn triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng*) trên địa bàn huyện Sơn Dương, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Trong khoảng thời gian từ 00 giờ 30 phút đến 02 giờ 40 phút ngày 07/01/2021, tại xã P, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, Nguyễn Văn N. và Nguyễn Văn B. có hành vi trộm cắp 01 con chó đực trọng lượng 11 kg, trị giá 880.000 đồng (*Tám trăm tám mươi nghìn đồng*) của anh Lê Anh T. và 01 con chó cái trọng lượng 12 kg, trị giá 960.000 đồng (*Chín trăm sáu mươi nghìn đồng*) của ông Đặng Kim N.

Vụ thứ hai: Trong khoảng thời gian từ 00 giờ 50 phút đến 01 giờ 30 phút ngày 12/01/2021, tại thôn K, xã H. và Thôn C, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, Nguyễn Văn N. và Nguyễn Văn B. có hành vi trộm cắp 01 con chó cái trọng lượng 23 kg, trị giá 1.840.000 đồng (*Một triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng*) của chị Ngô Thị H. và 01 con chó cái trọng lượng 15 kg, trị giá 1.200.000 đồng (*Một triệu hai trăm nghìn đồng*) của anh Trần Văn H.

Các bị cáo là người có năng lực hành vi dân sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và đã có hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, hành vi của các bị cáo được thực hiện dưới hình thức lẩn tránh ý trực tiếp. Vì vậy, Viện kiểm sát Nhân dân huyện Sơn Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn B. về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật và có cơ sở, cần chấp nhận.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn N. và Nguyễn Văn B. trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; riêng bị cáo Nguyễn Văn N. lần phạm tội này là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3] Về mức án đối với các bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, không có tổ chức. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân và gây mất an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, gây dư luận xấu trong Nhân dân. Do vậy, cần buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

Xét Nhân thân và mức độ phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Bị cáo N. là người khởi xướng, rủ rê, chuẩn bị phương tiện đi lại, nhưng lần phạm tội này của bị cáo là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo B. là người thực hành tích cực, chuẩn bị công cụ phạm tội và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp chó; bị cáo có Nhân thân xấu, nhiều lần bị TAND huyện S1, thành phố Hà Nội xử lý hình sự về hành vi “Đánh bạc” và “Trộm cắp tài sản”, tuy đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cải tạo bản thân còn tiếp tục phạm tội mới. Do vậy, cần buộc bị cáo B. phải chịu mức án cao hơn bị cáo N. là phù hợp.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử xét mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có tài sản có giá trị nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (*phạt tiền*) đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu Suzuki, màu sơn trắng, BKS 89K-3675 là tài sản chung của gia đình bị cáo Nguyễn Văn N. và là phương tiện phục vụ công việc buôn bán kinh doanh của chị Nguyễn Thị Hương D. Khi bị cáo N. điều khiển xe đi trộm cắp chó thì chị D. không biết. Tại phiên tòa bị cáo N. và chị D. cùng có quan điểm đề nghị xin được nhận lại xe ô tô và giao cho chị D. là người trực tiếp nhận lại xe do bị cáo N. hiện đang bị tạm giam. Xét đề nghị của bị cáo N. và chị D. có căn cứ nên HĐXX chấp nhận trả lại xe ô tô cùng giấy tờ xe cho chị D.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu A3s màu đen, bên ngoài lắp 01 ốp nhựa màu trắng đục kèm 01 sim Vinaphone và 01 sim Viettel là tài sản của bị cáo N.; đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu sơn đen kèm 02 sim viettel là tài sản của bị cáo B. Cần tuyên trả lại 02 chiếc điện thoại trên cho các bị cáo nhưng giữ lại để đảm bảo việc thi hành án.

Đối với 01 lông bằng kim loại, 01 bình ắc quy; 01 đoạn gỗ (dạng súng tự chế) dài 22cm; 02 đoạn gậy gỗ dài 30 cm, đường kính 0,5 cm là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết và tại phiên tòa các bị hại đều có quan điểm không đề nghị các bị cáo bồi thường phần dân sự, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7] Về các vấn đề khác:

Quá trình điều tra các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn B. khai nhận đêm 11 rạng sáng ngày 12/01/2021 các bị cáo còn thực hiện hành vi trộm cắp 01 con chó đực, màu lông vàng, trọng lượng 13 kg trên địa bàn huyện S1, thành phố Hà Nội và 01 con chó màu lông vàng, trọng lượng 16 kg tại huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. CQCSĐT Công an huyện S đã tách hành vi và thông báo đến CQCSĐT Công an huyện S1, thành phố Hà Nội, CQCSĐT Công an huyện Đ, tỉnh Phú Thọ để tiếp tục xác minh làm rõ, nên không xem xét giải quyết.

Đối với người đàn ông đã mua chó của bị cáo N. tại địa bàn tỉnh Hải Dương, do không xác định được tên tuổi, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ điều tra, xử lý.

Đối với số tiền 1.610.000 đồng bị cáo N. có được do bán tài sản trộm cắp mà có, bị cáo đã chi tiêu hết vào mục đích cá N, nhưng do các bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường dân sự nên theo hướng có lợi cho bị cáo thì HĐXX không xem xét truy thu.

[8] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Dương, Điều tra viên; Viện kiểm sát Nhân dân huyện Sơn Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo:

Các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn B, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự: Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn B. phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn N. 07** (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (13/01/2021).

3. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn B. 09** (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (13/01/2021).

4. Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Trả lại 01 xe ô tô nhãn hiệu Suzuki, màu sơn trắng, BKS 89K-3675 kèm theo 01 Đăng ký xe ô tô, 01 Giấy chứng nhận đăng kiểm xe là tài sản chung của gia đình bị cáo N. cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Hương D. nhận.

+ Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu A3 màu sơn đen, bên ngoài lắp 01 ốp nhựa màu trắng đục kèm theo 01 sim Vinaphone và 01 sim Viettel cho Nguyễn Văn N. nhưng giữ lại để đảm bảo việc thi hành án.

+ Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen kèm theo 02 sim viettel cho Nguyễn Văn B. nhưng giữ lại để đảm bảo việc thi hành án.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 lồng bằng kim loại, 01 bình ắc quy; 01 đoạn gỗ (dạng súng tự chế) dài 22cm; 01 đoạn gậy gỗ dài 30 cm là công cụ phạm tội không có giá trị sử dụng.

Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Sơn Dương với Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Tình trạng giấy tờ xe như biên bản giao nhận giữa Tòa án Nhân dân huyện Sơn Dương với Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương.

5. Căn cứ vào: Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn B, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, ông N, chị D. được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKS ND tỉnh TQ;
- VKS ND huyện SD;
- Cơ quan CSĐT CA huyện SD;
- Chi cục THADS huyện SD;
- Trại tạm giam CA tỉnh TQ;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Hồng Chiến